

# Thực trạng và nguyên nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay

Bùi Thị Hồng<sup>(\*)</sup>

Nguyễn Thị Thu Nguyệt<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Bạo lực gia đình là một vấn đề xã hội được cả thế giới và Việt Nam quan tâm thời gian qua. Đặc biệt trong giai đoạn diễn ra đại dịch Covid-19, vấn nạn này lại một lần nữa làm dấy lên làn sóng phẫn nộ từ dư luận xã hội. Theo kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNFPA) thực hiện năm 2019, có 31,6% phụ nữ phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong 12 tháng; cứ 3 phụ nữ thì có gần 1 người (32%) bị chồng bạo lực thể xác hoặc bạo lực tình dục; bạo lực gia đình với phụ nữ gây thiệt hại 1,8% GDP (tăng 0,2% so với năm 2012)(Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và UNFPA, 2020). Bạo lực gia đình xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau và để lại những hậu quả vô cùng nghiêm trọng về thể chất, tinh thần, kinh tế không chỉ đối với người bị hại mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới gia đình và toàn xã hội. Dựa trên các nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết tổng quan về thực trạng và nguyên nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam trong khoảng 10 năm trở lại đây.

**Từ khóa:** Bạo lực gia đình, Hôn nhân, Việt Nam

**Abstract:** In recent years, domestic violence has become an issue of concern to the whole world and Vietnam. Especially during the Covid-19 pandemic, it has again sparked a wave of anger from public opinion. The results of the National Violence Against Women Survey conducted by the Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs, the General Statistics Office, and the United Nations Population Fund in Vietnam in 2019 revealed a 31,6 % of women experiencing at least one form of violence in the past 12 months. Nearly 1 in 3 women (32%) experienced physical or sexual violence from their husbands. In 2019, domestic violence against women caused a loss of 1.8 % of GDP (+0.2% compared to 2012) (Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs, GSO, UNFPA, 2020). Domestic violence comes from many different causes and leaves extremely serious physical, mental, and economic consequences not only to the victims but also directly affects families and the whole society. Based on secondary sources, the article overviews the current situation and causes of domestic violence in Vietnam over the past 10 years.

**Keywords:** Domestic Violence, Marriage, Vietnam

Ngày nhận bài: 02/3/2024; Ngày duyệt đăng: 15/6/2024

---

<sup>(\*)</sup>, <sup>(\*\*)</sup> ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: buihongxhh@gmail.com

## 1. Mở đầu

Bạo lực gia đình (BLGD) là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình (Khoản 1, Điều 2 Luật Phòng, chống BLGD năm 2022)<sup>1</sup>. Nhiều năm trở lại đây, vấn nạn BLGD vẫn tồn tại và thậm chí có những giai đoạn có xu hướng gia tăng. Theo số liệu thống kê được tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh, thành trong cả nước, trong giai đoạn 2009-2019, tổng số vụ BLGD đã phát hiện trên cả nước là 297.498 vụ, trong đó năm 2019 là 8.176 vụ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2023). Nguyên nhân dẫn đến BLGD vô cùng đa dạng, có thể xuất phát từ nhận thức, mâu thuẫn trong ứng xử, khác biệt trong lối sống giữa các thành viên gia đình, hay do những thói quen thiếu lành mạnh của các thành viên trong gia đình, v.v... Trong bài viết này, chúng tôi tập trung thông tin về thực trạng và nguyên nhân BLGD ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Thực trạng bạo lực gia đình

Tình trạng BLGD ngày càng diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng với mức độ vô cùng nghiêm trọng. Kể từ khi Luật Phòng, chống BLGD năm 2007 có hiệu lực, số vụ BLGD trên cả nước tuy có giảm về số lượng nhưng tính chất nghiêm trọng của các vụ lại ở mức báo động. Nhiều vụ bạo lực có tính chất nguy hiểm, gây thiệt hại lớn về người và vật chất. Theo thống kê tại Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống BLGD (2008-2018), vấn nạn BLGD ở Việt Nam đã làm tổn hại tinh thần, ảnh hưởng tới kinh tế

và năng suất lao động, ước tính gây thiệt hại khoảng 1,77% GDP mỗi năm (Lê Thị Hồng Nhiên và Trần Thiện Khiêm, 2020). Các vụ án liên quan đến BLGD được cơ quan tư pháp tiếp nhận năm 2014 là 31.528 vụ, năm 2015 là 33.966 vụ. Riêng tòa án, từ năm 2008-2018 đã giải quyết 1.384.660 vụ ly hôn, trong đó có 1.060.767 vụ xuất phát từ nguyên nhân BLGD như bị đánh đập, ngược đãi, vợ hoặc chồng nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc, ngoại tình (chiếm 76,6% các vụ án ly hôn) (Xem: Nguyễn Thị Trang, 2020: 83-84).

Thêm vào đó, dịch Covid-19 đã làm trầm trọng thêm tình trạng BLGD ở Việt Nam thời gian qua. Kết quả nghiên cứu về tác động của dịch Covid-19 đến BLGD ở Hà Nội năm 2020 với 303 phụ nữ trong độ tuổi từ 18-60 cho thấy, số phụ nữ bị bạo lực kinh tế, thể chất, tinh thần và tình dục lần lượt là 34%, 58,75%, 87,79% và 25,08%. Các kết quả trong nghiên cứu này đều cao hơn đáng kể so với kết quả của điều tra quốc gia năm 2019 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), Tổng cục Thống kê (TCTK) và Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNFPA) thực hiện (Trần Thị Phương Thảo và cộng sự, 2022).

### 2.1. Bạo lực thể chất

Cho đến nay, trong các nghiên cứu về BLGD, bạo lực giữa người chồng đối với người vợ có thể thấy là dạng bạo lực phổ biến nhất. Hành vi người chồng gây ra chủ yếu và lớn nhất là bạo lực về thể chất; đây là dạng dễ nhận thấy và bị lên án mạnh mẽ. Kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 với 5.976 phụ nữ và trẻ em gái cho thấy, tỷ lệ bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra trong đời đối với phụ nữ là 26,1%, tương ứng với hơn 1/4 số phụ nữ tham gia khảo sát. Nghĩa

<sup>1</sup> Xem: Luật số 13/2022/QH15 của Quốc hội: Luật Phòng, chống BLGD, ban hành ngày 14/11/2022, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

là, cứ 4 phụ nữ thì có 1 phụ nữ đã bị bạo lực thể xác ít nhất một lần trong đời. Điều đáng lo ngại là, hơn 26% phụ nữ đã từng bị gây bồng hoặc bị bóp cổ và hơn 25,2% từng bị đánh cho biết việc này đã xảy ra nhiều lần (Dẫn theo: Bộ LĐTBXH, TCTK và UNFPA, 2020).

Số liệu thống kê từ năm 2013 đến hết năm 2017 của Lê Thị Hồng Nhiên và Trần Thiện Khiêm (2020: 83) cũng chỉ ra, trên cả nước xảy ra 139.395 vụ BLGD, trong đó bạo lực thân thể là 69.133 vụ.

Trẻ em cũng là đối tượng thường xuyên bị bạo lực thể chất trong gia đình. Theo thống kê chưa đầy đủ của Vụ Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), từ năm 2011 đến 2015, trên cả nước có đến 157.859 vụ BLGD, trong đó có 17.586 là trẻ em, chiếm 11,14% (Dẫn theo: Thảo Nguyễn, 2016). Đặc biệt, trong giai đoạn diễn ra dịch Covid-19, tỷ lệ trẻ em bị bạo hành trong gia đình có chiều hướng gia tăng. Theo báo cáo của Tổng đài 111, trẻ em bị bạo lực bởi người thân trong gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất với 72,84%, tăng 5,3% so với năm 2020 (Xem: Nhật Minh, 2022). Về hình thức bạo lực, kết quả khảo sát về BLGD năm 2017 tại 5 tỉnh (Ninh Bình, Lào Cai, Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk và An Giang) của Đặng Thị Hoa (2020) cho thấy, trong tổng số 495 trẻ em ở độ tuổi từ 10-15, có 69,5% cho biết đã từng bị cha mẹ xử phạt bằng bất kỳ hình thức bạo lực nào như đánh, đấm, đập, tát,... Tỷ lệ trẻ em đã từng bị cha mẹ đánh bằng roi hoặc các vật dụng khác chiếm cao nhất (60,8%), tiếp theo là tát vào mặt (10,5%).

## **2.2. Bạo lực tinh thần**

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, bạo lực tinh thần diễn ra khá phổ biến trong các gia đình thuộc các khu vực địa lý khác nhau. Hình thức bạo lực này gây ra những tổn

thương tâm lý nặng nề, biểu hiện ở các triệu chứng rối loạn căng thẳng sau sang chấn, trầm cảm, lo âu và stress. Kết quả nghiên cứu trên 160 hộ gia đình ở thành phố Huế năm 2019 cho thấy, trong số các nạn nhân được hỏi bị bạo hành thì bạo lực tinh thần nhiều nhất, với 94,4%; bạo lực thể xác thấp hơn, nhưng vẫn cao, với 52,9% (Võ Thị Phương Thảo và cộng sự, 2020).

Người cao tuổi và trẻ em là đối tượng thường xuyên phải hứng chịu các hành vi bạo lực tinh thần trong gia đình. Kết quả khảo sát năm 2017 với tổng số 922 người cao tuổi ở Việt Nam cho thấy, có 75 người từng bị bạo lực (chiếm 8,1%), trong đó bạo lực tinh thần là 6,8%. Có 8,3% nữ cao tuổi từng bị bạo lực và tỷ lệ nam cao tuổi bị bạo lực là 7,9%. Trong số 75 người cao tuổi đã từng bị bạo lực (35 nam và 40 nữ) có 63 người (84%) đã từng bị bạo lực tinh thần như không được quan tâm hỏi han về tình cảm, bị ngăn cấm tham gia các hoạt động cộng đồng/tôn giáo, coi thường, hờn lảo, hạn chế giao tiếp,... (Theo: Lê Ngọc Lân, 2019: 75). Hình thức bạo lực tinh thần xảy ra nhiều nhất với người cao tuổi thường là hờn lảo, lảng mạp, si nhục. Người gây ra bạo lực thường là con rể, con dâu và con rể (Nguyễn Hữu Minh, 2019: 11).

Trong thời điểm bùng phát dịch Covid-19, cả Việt Nam và thế giới cùng ghi nhận sự gia tăng mạnh của vấn nạn bạo lực trẻ em trong gia đình. Kết quả khảo sát nhanh thực hiện bởi Trường Đại học Y Hà Nội chỉ ra, cứ 3 trẻ em thì có 2 trẻ chịu bạo lực trong thời gian dịch Covid-19. Bạo lực tinh thần là phổ biến nhất với tỷ lệ 66,9%, bạo lực thể chất chiếm 39,1% và xâm hại tình dục là 10%. Những con số này chỉ là bề nổi của tảng băng. Phần chìm của nó thực chất là những tra tấn tinh thần trong gia đình đối với trẻ mà dường như các bậc

cha mẹ không nhận biết được, đó chính là những hành động mà mình đang thực hiện. Hay hàng loạt các kênh video độc hại, bạo lực đang tràn lan trên mạng xã hội, chiếu công khai, nhồi nhét những điều xấu, nguy hiểm vào đầu con trẻ nhưng vẫn chưa biết khi nào được dẹp bỏ (Ngọc Mai, 2021).

Một số nghiên cứu cho thấy, nạn nhân của hình thức bạo lực tinh thần trong gia đình là nam giới (người chồng trong gia đình). Theo kết quả khảo sát về BLGD của Đặng Thị Hoa (2020: 147) năm 2017 với 1.603 hộ gia đình: có 28,7% người chồng bị vợ bạo lực trong 12 tháng qua. Tỷ lệ này cao hơn so với 3% bạo lực của vợ đối với chồng trong cuộc điều tra năm 2010. Các hình thức bạo lực do người vợ gây ra với chồng thường chỉ là bạo lực tinh thần ở mức độ thấp. Cụ thể là các hình thức “gây sự cãi nhau” (19,9%), “im lặng, phớt lờ” (9,5%), “kiểm soát tài chính” (4,1%), “ghen” (3,1%), “đọa nạt” (3,1%),...

### **2.3. Bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế**

So với hai hình thức bạo lực thể chất và bạo lực tinh thần thì bạo lực kinh tế và bạo lực tình dục tuy chiếm tỷ lệ thấp nhưng vẫn còn tồn tại trong một số gia đình hiện nay. Kết quả nghiên cứu trên 160 hộ gia đình ở thành phố Huế năm 2019 chỉ ra, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế diễn ra tương đối thường xuyên trong gia đình với tỷ lệ ghi nhận các nạn nhân đã từng trải qua dạng bạo lực này là 18,1% và 21,5% (Võ Thị Phương Thảo và cộng sự, 2020).

Kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 (Bộ LĐTBXH, TCTK và UNFPA, 2020) cũng cho thấy, tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực tình dục do chồng/bạn tình gây ra trong 12 tháng qua cao nhất là ở nhóm tuổi từ 30-34, chiếm 8,3%, thấp nhất là nhóm tuổi từ 55-60, chiếm 2,4%. Tỷ lệ nạn nhân bạo lực tình

dục cao nhất ở nhóm phụ nữ dân tộc Nùng (23,8% trong đời và 17,3% trong 12 tháng qua) và dân tộc Dao (15,8% trong đời và 12% trong 12 tháng qua). Đối với bạo lực kinh tế, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực kinh tế bởi người chồng/bạn tình xảy ra trong 12 tháng qua là khá thấp. Cụ thể, hành vi “cắm đi làm hoặc kiếm thu nhập” chiếm 6,4%, “lấy mất tiền lương hoặc sổ tiết kiệm của phụ nữ” chiếm 2,5%, “không đưa tiền” chiếm 3%, “phải xin phép chi tiêu” chiếm 1,9%,...

Mặc dù ít được quan tâm nghiên cứu nhưng bạo lực kinh tế đang gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống gia đình. Kết quả nghiên cứu về BLGD ở Hà Nội năm 2014 trên 380 phụ nữ từ 18 đến trên 50 tuổi cho thấy rõ thực tế trên (Xem: Đặng Thị Bích Hằng, 2015: 42). Cụ thể, trong số những phụ nữ bị chồng gây bạo lực kinh tế kể từ khi kết hôn, phổ biến nhất là việc người chồng “đập phá, làm hư hỏng tài sản riêng của vợ hoặc tài sản chung của gia đình”, chiếm 80,4%; tiếp đến là “từ chối đưa tiền cho vợ để trang trải các chi phí chung cho gia đình, ngay cả khi chồng có tiền để tiêu vào mục đích khác”, chiếm 34,8%; “chiếm đoạt các khoản thu nhập, tiền tiết kiệm của vợ hoặc kiểm soát thu nhập của vợ nhằm khiến vợ phải phụ thuộc tài chính”, chiếm 28,3%; “buộc vợ phải lao động quá sức”, chiếm 4,3%.

Đối với bạo lực tình dục, nạn nhân của loại hình bạo lực này thường là nữ. Tuy nhiên, không ít trường hợp người chồng rơi vào tình cảnh đó. Phụ nữ gặp khó khăn hơn khi tiết lộ những trải nghiệm bạo lực tình dục so với những trải nghiệm bạo lực thể xác. Trong các buổi phỏng vấn, có 10% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ đã bị bạo lực tình dục trong đời và 4% cho biết đã bị bạo lực tình dục trong 12 tháng

qua. Đáng chú ý là bạo lực tình dục hiện tại không thay đổi nhiều ở những nhóm tuổi khác nhau (tới 50 tuổi) và trình độ học vấn của phụ nữ (Xem: Nguyễn Thị Trang, 2016).

Như vậy, có thể thấy tình trạng BLGD thời gian qua vẫn còn tồn tại khá phổ biến ở mọi tầng lớp xã hội với các hình thức bạo lực khác nhau. Nạn nhân của các vụ BLGD trong các nghiên cứu đa phần là phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi trong gia đình, còn nam giới chiếm tỷ lệ thấp. Bạo lực thể chất và bạo lực tinh thần là hình thức bạo lực diễn ra phổ biến hơn so với các hình thức bạo lực khác trong gia đình hiện nay.

### 3. Nguyên nhân bạo lực gia đình

BLGD được xem là một trong những tác nhân chính làm tan vỡ hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Nó có thể khởi nguồn từ yếu tố chủ quan hoặc khách quan, được phản ánh dưới nhiều chiều cạnh khác nhau như do nhận thức, áp lực kinh tế, mâu thuẫn trong ứng xử giữa các thành viên,...

#### 3.1. Nguyên nhân chủ quan

Vấn nạn BLGD một phần là do nhận thức hạn chế của chúng ta về vấn đề giới, bất bình đẳng giới. BLGD chính là một biểu hiện của sự bất bình đẳng giới. Theo Đặng Thị Hoa (2018), một trong những biểu tượng liên quan đến vấn đề giới và BLGD chính là định kiến giới trong quan hệ giữa các thành viên của cộng đồng và phân công lao động trong xã hội, gia đình. Những quan niệm, hành vi đó đã trở thành khuôn mẫu, rất khó thay đổi trong nhận thức và trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng. Trong văn hóa Việt Nam, người phụ nữ thường được gán vào vị trí là người cai quản, chăm lo công việc gia đình, còn nam giới là trụ cột gánh vác những công việc chính yếu trong gia đình. Nếu như một

trong hai người không hoàn thành được vai trò của mình thì có thể dẫn đến xung đột, bạo lực. Yếu tố gia trưởng ở người đàn ông/người chồng trong gia đình cũng dẫn đến các hành vi BLGD.

Thêm vào đó, nhận thức của mọi người về vấn đề bình đẳng giới chưa thống nhất nên vai trò của người phụ nữ trong gia đình vẫn bị xem nhẹ, quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình chưa được đảm bảo dẫn đến vấn nạn BLGD vẫn còn tồn tại. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, coi những công việc hằng ngày như chăm sóc gia đình, con cái... là của phụ nữ, còn quyền quyết định “công to, việc lớn” trong nhà thuộc về nam giới... khiến người phụ nữ phải đảm đương, quán xuyến quá nhiều việc. Họ vừa phải tròn vai công việc xã hội trong khi vẫn phải hoàn thành tốt thiên chức của người vợ, người mẹ trong gia đình. Nam giới được tạo nhiều điều kiện, cơ hội phát triển hơn và tự cho rằng mình có cả quyền “dạy vợ, con” theo mọi cách (Nguyễn Hằng, Bình Minh, 2020).

Ngoài ra, do trình độ nhận thức và sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế nên nhiều người cho rằng cha mẹ có quyền đánh đập, chửi mắng con cái, chồng có quyền đánh vợ... Trong khi đó, nhiều phụ nữ, người già cũng không nhận thức được đầy đủ quyền của mình nên không dám đấu tranh mà cam chịu bạo lực. Ngay cả ở những gia đình có học thức cao, am hiểu về pháp luật thì BLGD cũng vẫn xảy ra. Hay nhận thức của cộng đồng coi BLGD là chuyện riêng của mỗi nhà, “đèn nhà ai nấy rạng” nên ít có sự can thiệp kịp thời, chỉ những lúc vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng mới lên tiếng, can ngăn. Kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 cho thấy, gần một nửa (49,6%) phụ

nữ từng bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra chưa bao giờ kể cho bất cứ ai về việc này (trước khi được phỏng vấn) và hầu hết họ (90,4%) không tìm đến sự hỗ trợ của các cơ sở cung cấp dịch vụ của Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền (Theo: Bộ LĐTBXH, TCTK và UNFPA, 2020).

### 3.2. Nguyên nhân khách quan

Ngoài yếu tố nhận thức, BLGD còn nảy sinh từ các nguyên nhân khác như sự khác biệt về văn hóa, ứng xử; áp lực kinh tế; tệ nạn xã hội; công tác phòng, chống BLGD của nhiều địa phương còn chưa triệt để, nặng về hình thức,... Theo nghiên cứu của Võ Thị Phương Thảo và cộng sự (2020): Sự khác biệt về văn hóa, ứng xử là nguyên nhân đầu tiên và chiếm tỷ lệ cao nhất trong các vụ BLGD (54,4%), tiếp theo là tranh cãi trong chăm sóc con cái (38,8%), khó khăn trong kinh tế (33,8%), say rượu (29,4%),...

#### - Áp lực kinh tế khó khăn:

Sự khó khăn về kinh tế là một trong những yếu tố làm nảy sinh BLGD. Thống kê xã hội học cho thấy, 60-65% BLGD do sức ép kinh tế gây ra (Lê Thị Nhung, 2017). Điều kiện kinh tế khó khăn nói chung làm cho người ta không còn bình tĩnh để ứng xử một cách khôn ngoan, tình trạng bất nạt thường xảy ra. Thêm vào đó, khi năng lực tự chủ tài chính của người đàn ông, người chồng trong gia đình bị hạn chế sẽ hình thành tư tưởng tự ti, hẹp hòi, dễ nổi nóng, dẫn đến các mâu thuẫn, xung đột trong gia đình. Hoặc trong hoàn cảnh nữ giới bị hạn chế về cơ hội tiếp cận việc làm, phải phụ thuộc vào nam giới về mặt tài chính thì những khó khăn về kinh tế sẽ tạo ra áp lực, căng thẳng, bết tắc đối với các thành viên trong gia đình, từ đó dẫn đến các tranh chấp, xung đột, và nếu

không được giải quyết thấu đáo sẽ rất dễ dẫn đến hành vi BLGD (Khúc Thị Xuân, 2019).

#### - Tệ nạn xã hội:

Tình trạng BLGD liên quan đến các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm,... xảy ra thường xuyên ở nhiều gia đình Việt Nam hiện nay, đặc biệt ở các gia đình nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Kết quả khảo sát BLGD tại 5 tỉnh năm 2017 cho thấy, có mối liên hệ chặt chẽ giữa những người đàn ông là chủ gia đình thường xuyên sử dụng rượu bia với các hành vi BLGD. Cụ thể, có 34,5% số người được hỏi (553 trường hợp) cho rằng, chồng của họ thường xuyên say rượu bia, trong đó có 32 người (2%) cho rằng chồng say ở mức độ hằng ngày, 104 trường hợp (6,5%) ở mức độ vài lần một tuần. Trong đó, số phụ nữ đã từng bị ít nhất một hành vi bạo lực bởi người chồng say rượu, bia chiếm tỷ lệ rất lớn là 89,3% (Đặng Thị Hoa, 2020: 275).

Tương tự, kết quả nghiên cứu 680 phụ nữ từ 15-49 tuổi ở tỉnh Thái Nguyên năm 2019 cũng chỉ ra mối liên quan giữa thói quen sử dụng rượu, bia, chất gây nghiện với hành vi BLGD. Cụ thể, nhóm phụ nữ có chồng thường xuyên nghiện rượu, bia có tỷ lệ bị BLGD cao gấp 12,46 lần so với nhóm phụ nữ có chồng không uống rượu, bia thường xuyên. Tương tự như vậy, nhóm phụ nữ có chồng sử dụng ma túy/chất gây nghiện có tỷ lệ BLGD cao gấp 6,46 lần so với nhóm có chồng không sử dụng ma túy/chất gây nghiện (Lê Thị Thanh Hoa và cộng sự, 2020).

#### - Mâu thuẫn trong ứng xử giữa các thành viên gia đình:

BLGD còn xuất phát từ những mâu thuẫn trong cách ứng xử giữa các thành viên gia đình. Theo Đinh Phương Linh

(2018), ở những gia đình một thế hệ, việc chưa có/không có con cái thường gia tăng áp lực đối với đời sống hôn nhân, nhất là đối với người phụ nữ. Áp lực đó trong một số trường hợp có thể chuyển hóa thành các biểu hiện bạo lực tinh thần hoặc thể chất. Còn ở gia đình ba thế hệ thường là mô hình gia đình sống chung với gia đình bên chồng, những xung đột thế hệ, mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu,... vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột và có khả năng cao dẫn đến bạo lực.

Những mâu thuẫn liên quan đến quản lý và chi tiêu của cả hai vợ chồng trong sinh hoạt đời sống hằng ngày cũng dẫn đến hành vi bạo lực. Nhiều trường hợp vợ chồng cãi nhau do không có sự công khai, minh bạch các khoản đóng góp, chi tiêu trong gia đình, hoặc do người chồng đòi hỏi quá mức về tài chính dẫn tới những phản ứng gay gắt của người vợ. Thêm vào đó, nhiều cặp vợ chồng quá kỳ vọng vào mức độ đóng góp kinh tế của nhau cũng dẫn đến các hành vi xung đột (Đặng Thị Hoa, 2020).

Nghiên cứu của Đặng Văn Cường (2021) cho thấy, bạo lực xảy ra do người gây ra bạo lực và người bị bạo lực thiếu kỹ năng ứng xử trong một số tình huống hằng ngày như việc đối xử chưa công bằng giữa hai bên gia đình nội, ngoại, hay việc ứng xử giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con cái chưa đúng chuẩn mực dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm thì họ có thể sử dụng bạo lực để giải quyết.

Ngoài các nguyên nhân trên, công tác đấu tranh, phòng ngừa tình trạng BLGD ở nhiều tỉnh, thành còn hạn chế cũng là căn nguyên khiến vẫn nạn BLGD còn tồn tại. Mặc dù Luật Phòng, chống BLGD năm 2007, 2022 được ban hành và có hiệu

lực thi hành nhiều năm nay, tuy nhiên việc xử lý các hành vi BLGD trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các trường hợp hành vi không rõ ràng, hoặc trường hợp nạn nhân, người chứng kiến không dám lên tiếng tố giác. Thêm vào đó, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống BLGD còn hạn chế. Chính quyền và các tổ chức đoàn thể chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác phòng, chống BLGD. Một bộ phận lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể vẫn coi BLGD là vấn đề riêng của mỗi gia đình.

#### 4. Kết luận

BLGD dù ở bất kỳ hình thức nào cũng để lại những tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất, tinh thần không chỉ của nạn nhân mà còn cả thành viên khác trong gia đình, tác động tiêu cực đến lực lượng lao động, hoạt động kinh tế. Một số nghiên cứu về BLGD ở Việt Nam thời gian gần đây đã chỉ ra rằng, vẫn nạn bạo lực trong các gia đình hiện nay vẫn ở mức báo động. Khác với bạo lực thể chất có thể nhìn thấy được những thương tích bề ngoài, bạo lực tinh thần lại khó có thể nhận biết, khó đo đếm trừ phi nạn nhân trực tiếp lên tiếng tố giác. Do vậy, để góp phần ngăn chặn tình trạng BLGD, cần phải tuyên truyền sâu rộng về luật pháp, xây dựng mô hình phòng, chống BLGD ở từng địa phương, làm cho mỗi gia đình hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình để xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2020), Báo cáo chính *Kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm*

- 2019 - Hành trình để thay đổi, [https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/0.\\_bao\\_cao\\_chinh\\_0.pdf](https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/0._bao_cao_chinh_0.pdf)
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Vụ Gia đình (2023), “Tình hình bạo lực gia đình ở nước ta thời gian qua”, Trang thông tin điện tử về Gia đình, <http://giadinh.bvhttdl.gov.vn/tinh-hinh-bao-luc-gia-dinh-o-nuoc-ta-thoi-gian-qua/>
  3. Đặng Văn Cường (2021), “Bạo lực gia đình gia tăng - Báo động tình trạng xuống cấp về đạo đức”, Tạp chí điện tử *Luật sư Việt Nam* ngày 9/7/2021, <https://lsvn.vn/con-re-sat-hai-bo-me-vo-bao-dong-truoc-tinh-trang-xuong-cap-ve-dao-duc1625821995.html>
  4. Đặng Thị Bích Hằng (2015), “Thực trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Hà Nội năm 2014”, Tạp chí *Y học cộng đồng*, số 21, tr. 38-44.
  5. Nguyễn Hằng, Bình Minh (2020), “Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình”, *Chuyên trang Gia đình và Xã hội - Báo Sức khỏe và Đời sống* ngày 15/12/2020, <https://giadinh.suckhoedoisong.vn/nang-cao-nhan-thuc-ve-binh-dang-gioi-va-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-172201214022636934.htm>
  6. Đặng Thị Hoa (2018), “Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới bạo lực gia đình từ góc nhìn xã hội và văn hóa”, Tạp chí *Khoa học - Học viện Phụ nữ Việt Nam*, số 3, tr.8-9.
  7. Đặng Thị Hoa (2020), *Bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố tác động*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
  8. Lê Thị Thanh Hoa, Phạm Phương Mai, Nguyễn Quang Mạnh (2020), “Một số yếu tố liên quan đến bạo lực gia đình ở phụ nữ 15-49 tuổi có chồng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên năm 2019”, Tạp chí *Y học cộng đồng*, tập 59, số 6, tr. 199-203.
  9. Lê Ngọc Lan (2019), “Bạo lực gia đình với người cao tuổi: Thực trạng và một số yếu tố tác động”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6, tr. 72-82.
  10. Đinh Phương Linh (2018), “Bạo lực vợ chồng qua nghiên cứu ở phường Quảng Tiên, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2 (142), tr. 26-36.
  11. Ngọc Mai (2021), “Trẻ bị bạo hành từ tinh thần đến thể xác: Những ám ảnh kinh hoàng”, Báo điện tử *Pháp luật Việt Nam* ngày 30/5/2021, <https://baophapluat.vn/tre-bi-bao-hanh-tu-tinh-than-den-the-xac-nhung-am-anh-kinh-hoang-post396123.html>
  12. Nguyễn Hữu Minh (2019), “Phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức chủ yếu và một số vấn đề chính sách cần quan tâm”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 29, số 6, tr. 5-14.
  13. Nhật Minh (2022), “Chăm sóc và bảo vệ trẻ em trước tác động của đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Tuyên giáo* ngày 31/5/2022, <https://tuyengiao.vn/dan-so-va-phat-trien/cham-soc-va-bao-ve-tre-em-truoc-tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-139056>
  14. Lê Thị Hồng Nhiên, Trần Thiện Khiêm (2020), “Vấn đề bạo lực gia đình ở tỉnh Vĩnh Long: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 30, số 2, tr. 81-90.
  15. Lê Thị Nhung (2017), *Công tác xã hội cá nhân đối với phụ nữ bị bạo lực gia đình từ thực tiễn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*, Luận văn thạc sĩ Công

- tác xã hội, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
16. Thảo Nguyễn (2016), “Bạo lực gia đình, vết thương khó lành với trẻ em”, Báo điện tử *Nhân dân* ngày 11/10/2016, <https://nhandan.vn/bao-luc-gia-dinh-vet-thuong-kho-lanh-voi-tre-em-post-274918.html>
  17. Võ Thị Phương Thảo, Nguyễn Tiến Dũng, Hoàng Dũng Hà (2020), “Thực trạng bạo lực trong các gia đình trẻ tại tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí *Khoa học - Đại học Huế*, tập 129, số 6A, tr. 53-65.
  18. Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Vân, Trần Kiều Như, Khuất Thu Hồng, Bùi Thị Tú Quyên, Hoàng Văn Minh (2022), “Tác động của đại dịch Covid-19 đối với bạo lực gia đình ở phụ nữ tại Hà Nội, Việt Nam: kết quả của nghiên cứu phương pháp hỗn hợp”, Tạp chí *Y tế Công cộng*, số đặc biệt tháng 8, tr. 35-50.
  19. Nguyễn Thị Trang (2016), “Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam”, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 242, tr. 84-87.
  20. Nguyễn Thị Trang (2020), “Quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, số 4, tr. 81-87.
  21. Khúc Thị Xuân (2019), *Truyền thông công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình cho phụ nữ từ thực tiễn tỉnh Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ Công tác xã hội, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.